

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2020/HS-ST

Ngày 27/10/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Thắng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Long và ông Nguyễn Đức Thọ.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thế Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/10/2020 tại hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2020/TLST - HS ngày 01/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST - HS, ngày 08 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ, ngày 19/10/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn T. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Ngày, tháng, năm sinh: 16/8/1990. Nơi sinh: tại Xã AD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Thôn HC, xã AD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 2/12 (Không biết chữ). Con ông: Lê Xuân Q, sinh năm 1960. Nghề nghiệp: Lao động tự do và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1960. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện cùng cư trú tại thôn HC, xã AD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Có 5 người, bị cáo là con thứ tư. Vợ: Phan Thị Hoài T, sinh năm 1994. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện cư trú tại thôn HC, xã AD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Con: Có 2 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2020. Tiền án: Có 03 tiền án: Ngày 26/11/2009, bị Tòa án nhân dân huyện ĐT xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 18/01/2012 chấp hành xong hình phạt. Hiện chưa chấp hành xong số tiền bồi thường (chưa được xóa án tích). Ngày 08/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 26/3/2013 chấp hành xong hình phạt, hiện chưa thi hành

xong án phí hình sự (chưa được xóa án tích). Ngày 24/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện ĐT xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 29/8/2018 chấp hành xong hình phạt, hiện chưa chấp hành xong tiền án phí dân sự, tiền thu lợi bất chính và tiền bồi thường dân sự (chưa được xóa án tích). Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 23/7/2020 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, có mặt tại phiên tòa, sức khỏe bình thường và tự bào chữa.

2. Họ và tên: Nguyễn Bá T. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Ngày, tháng, năm sinh: 17/02/1994. Nơi sinh: tại Xã TD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Thôn TT, xã TD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Con ông: Nguyễn Bá T, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1959. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện cư trú tại thôn TT, xã TD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Có 4 người, bị cáo là con thứ tư. Vợ, con: Chưa có. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 14 tháng 9 năm 2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa, sức khỏe bình thường và tự bào chữa.

***Bị hại:**

- Ông Phạm Xuân L; sinh năm: 1973; địa chỉ: Thôn TL, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Có mặt).

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn ĐQ, xã ĐĐ, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Vắng mặt).

- Ông Đậu Kim H, sinh năm: 1957; địa chỉ: Thôn Thủy C, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Trần Đức N; sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn TT, xã LTT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Viết H; sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn TN, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn T, sinh năm: 1973; địa chỉ: Thôn TL, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt).

- Anh Đồng Đăng L, địa chỉ: Thôn TT, xã TD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: lao động tự do. (Vắng mặt).

*** Người chứng kiến:**

- Ông Đặng Duy K; sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15/7/2020, Trần Đức N (trú tại thôn TT, xã LTT, huyện ĐT), gọi điện thoại cho Lê Văn T, nói: *Tối nay ta đi làm con chó* (ý rủ đi bắt trộm chó). Tuân đồng ý, rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 37E1-124.21 đến nhà Trần Đức N. Lúc này, Ngọc đưa dây điện và súng bắn tự chế làm bằng gỗ (do N làm sẵn trước đó) ra đầu vào bình ắc quy xe mô tô của Tuân, rồi lấy 01 chiếc bao tải kẹp trước xe. Sau đó, Lê Văn T điều khiển xe mô tô chở Trần Đức N đi đến khu vực giáp ranh giữa xã ĐĐ với xã TH, huyện ĐT, thì phát hiện một con chó màu vàng của gia đình chị Nguyễn Thị X (ở thôn ĐQ, xã ĐĐ) đang đi bên đường, Lê Văn T điều khiển xe đi qua con chó khoảng 2 mét, Trần Đức N ngồi sau xe dùng súng điện bắn làm con chó nằm gục xuống đường, N xuống xe bắt con chó đó bỏ vào bao tải để trước khung xe. Cả hai tiếp tục di chuyển đến thôn TL, xã TH, phát hiện một con chó lông màu đen trắng của gia đình anh Phạm Xuân L (ở thôn TL, xã TH), Lê Văn T điều khiển xe mô tô lại gần con chó, Trần Đức N ngồi sau tiếp tục dùng súng điện bắn, làm con chó nằm gục xuống đường, rồi xuống xe bắt con chó bỏ vào bao tải, thì bị người dân phát hiện nên Lê Văn T và Trần Đức N bỏ chạy lên rừng keo tại thôn TL, xã TH, để lại chiếc xe mô tô và một chiếc bao tải màu xanh, bên trong có hai con chó.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 23/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đức Thọ xác định tổng trị giá 02 con chó nói trên tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.260.000 đồng.

Quá trình điều tra, còn xác định được Lê Văn T cùng với Nguyễn Bá T có hành vi trộm cắp tài sản tại huyện TC, tỉnh Nghệ An, cụ thể:

Vào sáng ngày 03/4/2019, Lê Văn T rủ Nguyễn Bá T đến địa bàn huyện TC, tỉnh Nghệ An để mua cây cảnh. Trên đường đi, nghĩ mình không có xe mô tô đi lại nên T nói: *Xem thế nào ta làm một cái xe để làm phương tiện đi lại* (ý rủ T lấy trộm một chiếc xe mô tô để làm phương tiện đi lại). T đồng ý, T hỏi tiếp: *Vam hôm trước ở trong cốp xe nữa không?* T trả lời: “Có”, rồi dừng xe, mở cốp lấy chiếc vam phá khóa làm bằng kim loại, màu trắng đen, hình chữ L ra, T cầm lấy vam bỏ vào túi quần phía sau. Cả hai tiếp tục đi đến thôn TC, xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An, thấy có quán bán hàng tạp hóa nên T bảo T dừng xe lại để mua thuốc lá. T đi bộ vào quán nhưng không có người bán hàng. Lúc này, T phát hiện thấy chiếc xe mô tô Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 37E1-124.21 đang để trước sảnh của quán tạp

hóa, T nảy sinh ý định trộm lấy chiếc xe đó, nên đi tới dùng vạm phá khóa mở khóa điện, nổ máy rồi điều khiển xe chạy theo đường mòn HCM, hướng về huyện HS, tỉnh Hà Tĩnh. Thấy T dùng vạm mở khóa xe điều khiển đi, thì T cũng chạy theo sau, đi được khoảng 5km, T rẽ vào một đường đất, rồi dừng lại, dùng vạm phá khóa mở cốp xe, thấy có nhiều giấy tờ (gồm: bảo hiểm xe mô tô, bảo hiểm y tế; giấy chứng minh nhân dân của ông Đậu Kim H, giấy vay vốn ngân hàng chính sách), T lấy toàn bộ giấy tờ cất vào túi quần, rồi cất dấu chiếc xe lấy trộm được vào bụi cây. Sau đó, T chở T đi về ĐT. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T chở T đến chỗ cất dấu để lấy xe, T điều khiển chiếc xe mô tô lấy trộm được đi về nhà T, nói: *Cho để xe đây mấy hôm*. Ba ngày sau, T tới lấy xe, đưa đến cửa hàng sửa chữa xe của anh Đồng Đăng L, tại thôn TT, xã TD, huyện ĐT thay ổ khóa và sử dụng làm phương tiện đi lại. Còn Nguyễn Bá T sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đi vào tỉnh BD làm việc. Đến ngày 10/9/2020, Thắng về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐT đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 54/KL-ĐG ngày 05/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện TC, tỉnh Nghệ An, xác định trị giá chiếc xe mô tô tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 39/CT- VKS-ĐT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Bá T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm g Khoản 2 Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án tù 30 đến 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/7/2020.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T mức án tù 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị cáo Lê Văn T và bị hại. Bị cáo phải bồi thường số tiền 600.000 đồng cho anh Phạm Xuân L; số tiền 651.000 đồng cho chị Nguyễn Thị X.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị: Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, số

Imei: 353664/05/939127/2, đã qua sử dụng của Lê Văn Tuấn); 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, số Imei: 355522/05/354771/1, đã qua sử dụng của Trần Đức N. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bì tải màu xanh có kích thước 80x50 cm.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Bá T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, không có ý kiến gì tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị hại Phạm Xuân L đề nghị bị cáo Lê Văn T bồi thường trách nhiệm dân sự 600.000 đồng (trị giá tài sản bị chiếm đoạt) và giải quyết về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Văn T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt một số bị hại, người liên quan, người làm chứng và người chứng kiến nhưng xét thấy họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ và việc vắng mặt của họ không làm cản trở việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án.

[2]. Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng pháp luật.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, tang vật thu hồi và các tài liệu, chứng cứ có tài hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến ngày 15/7/2020, Lê Văn T (đang thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm) cùng với Nguyễn Bá T và người liên quan Trần Đức N, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, đã 02 lần lén lút thực hiện hành vi lấy trộm tài sản tại huyện TC, tỉnh Nghệ An và huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh, với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt được là 9.260.000 đồng, cụ thể:

Lê Văn T và Nguyễn Bá T lấy trộm của ông Đậu Kim H, trú tại xã TT, huyện TC, tỉnh Nghệ An 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37E1-124.21, trị giá là 8.000.000 đồng.

Lê Văn T và Trần Đức N lấy trộm của anh Phan Xuân L trú tại thôn TL, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh 01 con chó, trị giá 609.000 đồng; chị Nguyễn Thị X trú tại thôn ĐQ, xã ĐĐ, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh 01 con chó, trị giá 651.000 đồng.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Bá T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy Lê Văn T là người khởi xướng (hành vi lấy trộm xe mô tô), tham gia trực tiếp cả hai lần, nên giữ vai trò đầu vụ. Còn Nguyễn Bá T chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội nên giữ vai trò là người giúp sức.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo Lê Văn T là người đang có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, nay tiếp tục 02 lần chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó hành vi phạm tội trộm cắp tài sản vào ngày 03/4/2019 của bị cáo là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Bá T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Bá T thực hiện hành vi phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng thời sau khi bị phát hiện đã đến cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản

của mình nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên với hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác cũng như giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung đối với tội phạm hiện nay.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị cáo Lê Văn T và bị hại. Bị cáo phải bồi thường số tiền 600.000 đồng cho anh Phạm Xuân L; số tiền 651.000 đồng cho chị Nguyễn Thị X.

[6]. *Về xử lý vật chứng:*

- Quá trình điều tra, xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, số khung 64009 -905966; số máy 5c64-905967, biển kiểm soát 37E1-124.21 đăng ký chủ sở hữu là ông Đậu Kim H, trú tại huyện TC, tỉnh Nghệ An. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu. Còn hai con chó của các bị hại Phạm Xuân L, Nguyễn Thị X do bị bắn chết nên Cơ quan điều tra đã tiến hành tiêu hủy là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các vật chứng liên quan, gồm: Chiếc súng điện tự chế, các bị cáo khai trong quá trình bị người dân phát hiện, đã vứt ở rừng cây trồng keo tại thôn TL, xã TH, huyện ĐT; các giấy tờ bảo hiểm xe mô tô, bảo hiểm y tế; giấy chứng minh nhân dân; giấy vay vốn ngân hàng chính sách của bị hại Đậu Kim H, bị cáo Lê Văn T khai đã vứt ở cầu ĐV, huyện VQ. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Còn chiếc điện thoại di động, xe mô tô của bị cáo Nguyễn Bá T, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã vứt chiếc điện thoại do bị hỏng và bán chiếc xe cho một người không quen biết nên không tiến hành thu giữ được.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, số Imei: 353664/05/939127/2, đã qua sử dụng của Lê Văn T); 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, số Imei: 355522/05/354771/1, đã qua sử dụng của Trần Đức N. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bì tải màu xanh có kích thước 80x50 cm.

[7]. *Về trách nhiệm của người liên quan trong vụ án:*

Trong vụ án này, Trần Đức N là người cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (trộm chó) cùng với bị cáo Lê Văn T nhưng tang số dưới 2.000.000 đồng và hiện N không có tiền án, tiền sự gì về các tội xâm phạm sở hữu, nên hành vi của

Trần Đức N không phải chịu trách nhiệm hình sự. Cơ quan CSĐT Công an huyện ĐT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Đức N là phù hợp quy định pháp luật.

Còn anh Đồng Đăng L là người thay ổ khóa chiếc xe mô tô do Lê Văn T trộm cắp được, nhưng khi thay khóa, anh L không biết chiếc xe trên là do T lấy trộm mà có nên không phải chịu trách nhiệm.

[8]. Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Bá T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, Bị hại, Người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173 (đối với bị cáo Lê Văn T), khoản 1 Điều 173 (đối với bị cáo Nguyễn Bá T), điểm g Khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo Lê Văn T), điểm s (đối với bị cáo Nguyễn Bá T áp dụng thêm điểm i) khoản 1 Điều 51, (khoản 2 Điều 51 Đối với bị cáo Nguyễn Bá T), Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Bá T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 23/7/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị cáo Lê Văn T và bị hại. Bị cáo phải bồi thường số tiền 600.000 đồng cho anh Phạm Xuân L; số tiền 651.000 đồng cho chị Nguyễn Thị X.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một

khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, số Imei: 353664/05/939127/2, đã qua sử dụng của Lê Văn Tuấn); 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, số Imei: 355522/05/354771/1, đã qua sử dụng của Trần Đức N. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bì tải màu xanh có kích thước 80x50 cm.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Bá T mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/10/2020) bị cáo, Bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án này để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- CQ CSĐT Công an huyện Đức Thọ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- CQ THAHS Công an huyện Đức Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đức Thọ;
- Bị cáo, bị hại; người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Lê Việt Thắng

